

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG CHUYÊN MÔN TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN, THAY THẾ QUYẾT ĐỊNH SỐ 14/2015/QĐ-TTg NGÀY 20/5/2015 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGHỀ NGHIỆP VÀ CHẾ ĐỘ BỒI DƯỠNG ĐỐI VỚI NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN

QUYẾT ĐỊNH SỐ 14/2015/QĐ-TTg	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	THUYẾT MINH
	Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	
Tên gọi Quyết định: Về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp và chế độ bồi dưỡng đối với người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn	Tên gọi nghị định: Theo QĐ giao nhiệm vụ xây dựng Nghị định của Bộ VHTTDL có tên gọi: Quy định một số chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động chuyên môn trong các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn <i>Tại dự thảo Nghị định có tên sau:</i> <i>Quy định một số chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động chuyên môn trong các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn</i>	Lý do bỏ chữ “một số” - Mang tính toàn diện, đầy đủ và ổn định, bền vững của Nghị định. - Thường tránh dùng trong tên văn bản quy phạm.
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
Quyết định này quy định chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp, chế độ bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn đối với công chức, viên chức được bổ nhiệm vào ngạch diễn viên làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn; chế độ bồi	Nghị định này quy định chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp, chế độ bồi dưỡng luyện tập và chế độ bồi dưỡng biểu diễn đối với viên chức, người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn theo quy định của pháp luật.	Nội dung kế thừa từ Quyết định 14/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng; Nghị định không điều chỉnh đối với đối tượng là Công chức;

QUYẾT ĐỊNH SỐ 14/2015/QĐ-TTg	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	THUYẾT MINH
đưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng làm việc hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.		
Điều 2. Đối tượng áp dụng	Điều 2. Đối tượng áp dụng	
1. Đối tượng hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp, bao gồm:	1. Viên chức, người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng, hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn.	Kế thừa QĐ số 14/2015/QĐ-TTg và quy định rõ ràng hơn đối với các đối tượng áp dụng
	2. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng, viên chức công an và người lao động hợp đồng trực tiếp tham gia hoạt động biểu diễn nghệ thuật trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.	Bổ sung khoản 2 Điều 2: áp dụng đối với người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.
	3. Căn cứ vào đặc thù chuyên môn, mức độ đào tạo và chức năng hoạt động của từng chức danh nghề nghiệp trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, đối tượng hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn được quy định cụ thể tại Chương II của Nghị định này.	Kế thừa khoản 1 Điều 2 QĐ số 14/2015/QĐ-TTg và tách ra để quy định rõ hơn đối với các đối tượng áp dụng. Làm rõ chế độ áp dụng đối với từng đối tượng cụ thể theo những nguyên tắc áp dụng sẽ được quy định tại các Điều 5 và Điều 6 dự thảo Nghị định này.
	Điều 3. Giải thích từ ngữ Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:	Điều khoản mới giúp làm rõ ý nghĩa của các thuật ngữ, từ ngữ sử dụng trong Nghị định, đảm bảo rằng tất cả người đọc, người áp dụng.
	1. “<i>Đơn vị nghệ thuật biểu diễn công lập</i>” là tổ chức sự nghiệp do Nhà nước thành lập và quản lý	

QUYẾT ĐỊNH SỐ 14/2015/QĐ-TTg	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	THUYẾT MINH
	hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn; là các nhà hát, đoàn nghệ thuật, đoàn văn công có chức năng tổ chức dàn dựng, luyện tập và biểu diễn các loại hình nghệ thuật biểu diễn phục vụ nhu cầu của xã hội và thực hiện các nhiệm vụ chính trị, văn hóa, xã hội khác theo quy định.	
	2. “<i>Viên chức chuyên môn nghệ thuật</i>” là người được tuyển dụng theo vị trí việc làm tại đơn vị sự nghiệp công lập, bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn theo quy định.	
	3. “<i>Người lao động chuyên môn trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn</i>” là người làm việc theo hợp đồng lao động tại các đơn vị nghệ thuật biểu diễn công lập, tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào quá trình sáng tạo, dàn dựng, biểu diễn tác phẩm, chương trình nghệ thuật.	
	4. “<i>Chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp</i>” là khoản phụ cấp lương được trả thêm cho người lao động làm việc trong ngành nghề có tính chất đặc thù, điều kiện lao động cao hơn bình thường hoặc cần đặc biệt ưu tiên, khuyến khích gắn bó với nghề.	
	5. “<i>Chế độ bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn</i>” là các khoản chi trả để khuyến khích, động viên viên chức, người lao động khi trực tiếp tham gia luyện tập, dàn dựng và biểu diễn nghệ thuật.	
	Điều 4. Chức danh nghệ thuật và chuyên môn nghề nghiệp	Điều khoản mới

QUYẾT ĐỊNH SỐ 14/2015/QĐ-TTg	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	THUYẾT MINH
	1. Chức danh nghệ thuật gồm: Đạo diễn, chỉ đạo nghệ thuật; biên đạo múa; huấn luyện múa; sáng tác, chỉ huy âm nhạc; biên kịch; Diễn viên.	Thông tư 10/2022/TT-BVHTTDL ngày 28/10/2025 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL đã quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh để quy định các Chức danh nghệ thuật; Chuyên môn nghề nghiệp trong đó có việc phân Hạng diễn viên. Tuy nhiên, việc phân Hạng (I, II, III, IV) chưa phản ánh đầy đủ về năng lực, công việc chuyên môn nghề nghiệp mang tính đặc thù trong hoạt động biểu diễn nghệ thuật. “Chuyên môn nghề nghiệp” được quy định rõ hơn tại khoản 2 Điều này.
	2. Chuyên môn nghề nghiệp: Chuyên môn nghề nghiệp là căn cứ xác định việc chi trả chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp đối với viên chức, người lao động gồm: a) Đạo diễn, chỉ đạo nghệ thuật; biên đạo múa; huấn luyện múa: tổ chức, điều hành, chịu trách nhiệm về nội dung, hình thức thể hiện và chất lượng nghệ thuật của buổi diễn, chương trình nghệ thuật, vở diễn; b) Trưởng, phó các đơn vị nghệ thuật và trưởng, phó các đoàn biểu diễn trực thuộc: tham mưu, định hướng chuyên môn nghề nghiệp, quản lý, điều hành diễn viên. c) Nhạc trưởng (chỉ huy âm nhạc): điều phối dàn nhạc, diễn giải và truyền tải cảm xúc để dàn dựng tác phẩm, chỉ huy dàn nhạc giao hưởng, nhạc vũ kịch, hợp xướng, dàn nhạc truyền thống và các hình thức dàn nhạc khác;	Qua nghiên cứu thực tiễn từ các đơn vị nghệ thuật công lập Tổ soạn thảo nhận thấy: - Việc xác định đúng chuyên môn nghề nghiệp là cơ sở để chi trả phụ cấp ưu đãi nghề cho viên chức và người lao động trong lĩnh vực biểu diễn nghệ thuật. Mức phụ cấp dựa trên tỷ lệ phân trăm lương cơ bản, và việc phân công công việc chuyên môn cần phải phù hợp với Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt để hưởng mức phụ cấp tương ứng.

QUYẾT ĐỊNH SỐ 14/2015/QĐ-TTg	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	THUYẾT MINH
	d) Diễn viên: thể hiện vai diễn trong các loại hình nghệ thuật biểu diễn như tuồng, chèo, cải lương, dân ca kịch, kịch nói, kịch hình thể, kịch câm; opera (kịch nhạc), musical (nhạc kịch); thể hiện kỹ năng, kỹ xảo đặc biệt trong nghệ thuật xiếc, điều khiển quân rối trong nghệ thuật múa rối nước, rối cạn; thể hiện cảm xúc, sức khỏe dẻo dai, bền bỉ thực hiện động tác múa (ballet, múa đương đại, múa dân gian, múa hát cung đình, múa tạp kỹ...); hát hợp xướng, dân ca, ca khúc mới; khả năng diễn đạt cảm xúc thông qua nhạc cụ giao hưởng, dân gian, truyền thống, nhạc cụ điện tử và các phương tiện âm thanh khác. đ) Kỹ thuật viên sân khấu, hậu đài và nhân viên phục vụ công tác biểu diễn: có chuyên môn kỹ thuật âm thanh, ánh sáng, sân khấu; hậu đài, hóa trang, phục trang, đạo cụ. Đồng thời, phải có sự sáng tạo, hiểu biết nhất định về lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn.	
	Điều 5. Phân loại vai trò các đối tượng trong hoạt động biểu diễn nghệ thuật 1. Người đứng đầu đơn vị nghệ thuật có trách nhiệm quy định về việc phân loại vai trò đối với các đối tượng trong hoạt động biểu diễn nghệ thuật. 2. Phân loại vai trò đối với đối tượng biểu diễn nghệ thuật là căn cứ xác định mức chi trả chế độ bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động trong lĩnh vực biểu diễn nghệ thuật, gồm:	Điều khoản mới - Bên cạnh việc quy định chuyên môn nghề nghiệp, việc phân loại về vai trò nhằm xác định chính xác mức độ quan trọng và tính chất hoạt động nghề nghiệp cũng rất quan trọng đối với viên chức, người lao động tham gia trong quá trình dàn dựng, luyện tập, biểu diễn nghệ thuật; là cơ sở để xây dựng các nguyên tắc áp dụng chế độ bồi dưỡng luyện tập, biểu diễn tại Chương II của dự thảo Nghị định.

QUYẾT ĐỊNH SỐ 14/2015/QĐ-TTg	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	THUYẾT MINH
	a) Diễn viên chính, nhạc công độc tấu (solist), vũ công chính: giữ vai trò trung tâm, thể hiện vai diễn mang tính cách, điển hình nhân vật hoặc phân biểu diễn chủ đạo, quyết định nội dung, hình thức tác phẩm, chất lượng nghệ thuật. b) Diễn viên chính thứ, vũ công chính thứ, người lĩnh xướng, nhạc công lĩnh tấu: đảm nhiệm vai trò quan trọng, hỗ trợ hoặc song hành cùng diễn viên chính, có đóng góp đáng kể vào nội dung, hình thức tác phẩm, chất lượng nghệ thuật. c) Diễn viên phụ, vũ công phụ, hợp xướng viên, nhạc công dàn nhạc, vũ đoàn, diễn viên tập thể: đảm nhiệm vai diễn phụ, bổ trợ góp phần hoàn chỉnh phong cách, giá trị nghệ thuật của tác phẩm. d) Kỹ thuật viên sân khấu, hậu đài và nhân viên phục vụ: bố trí, sắp xếp không gian, cảnh trí sân khấu; thiết lập ánh sáng, âm thanh; chuẩn bị trang phục, hóa trang, đạo cụ; thực hiện lắp đặt, vận hành, vận chuyển và quản lý trang thiết bị, hệ thống kỹ thuật bảo đảm sân khấu hoạt động an toàn và hiệu quả trong quá trình tổ chức và hoạt động biểu diễn nghệ thuật.	- Trong hoạt động biểu diễn nghệ thuật, vai trò của diễn viên được phân loại theo mức độ quan trọng, tầm ảnh hưởng và tần suất xuất hiện trên sân khấu, bao gồm: diễn viên chính, diễn viên chính thứ, diễn viên phụ, vũ công phụ, hợp xướng viên, nhạc công dàn nhạc, vũ đoàn, diễn viên tập thể và nhóm hỗ trợ sân khấu thể hiện các vai trò riêng của kỹ thuật viên và nhân viên hậu cần tạo nên sự thành công của buổi biểu diễn. - Theo quy định pháp luật hiện hành, người đứng đầu đơn vị nghệ thuật không có thẩm quyền phân loại vai trò của các diễn viên trong hoạt động biểu diễn nghệ thuật, mà thẩm quyền này thuộc về Hội đồng nghệ thuật hoặc người có thẩm quyền quản lý chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị đó, dựa trên quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ nội bộ. Người đứng đầu đơn vị nghệ thuật quy định về việc này. Vai trò của diễn viên phụ thuộc vào yêu cầu của tác phẩm nghệ thuật (như kịch bản, thể loại, bối cảnh), năng lực trình độ cá nhân thể hiện của bản thân (như tài năng bẩm sinh, kỹ năng diễn xuất, kiến thức xã hội) và chỉ đạo của đạo diễn, chỉ huy, biên đạo. Tất cả là một thể thống nhất cùng hướng đến việc tái hiện nhân vật một cách chân thực và sống động trong tác phẩm nghệ thuật hoàn chỉnh.

QUYẾT ĐỊNH SỐ 14/2015/QĐ-TTg	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	THUYẾT MINH
		Việc phân loại vai trò trong hoạt động biểu diễn nghệ thuật giúp phân định rõ các mức bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn nhằm chi trả đúng đối tượng, đúng công sức của người lao động.
	Chương II CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGHỀ NGHIỆP, CHẾ ĐỘ BỒI DƯỠNG LUYỆN TẬP VÀ BIỂU DIỄN	
	Điều 6. Nguyên tắc áp dụng chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp	
1. Phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp gồm các mức sau đây:	1. Phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp gồm các mức:	Khoản 1 điều này được Tổ soạn thảo nghiên cứu nguyên tắc áp dụng trên cơ sở: - Nghiên cứu các mức phụ cấp hiện đang áp dụng trên cơ sở, đối sánh, phân tích công sức lao động, mức độ đào tạo, tỉ lệ thành công nghề nghiệp, thời gian cống hiến của người lao động nghệ thuật nhận thấy. Hoạt động của viên chức lĩnh vực nghệ thuật thường ngắn (ra trường ở tuổi 25 và thường hết tuổi nghề ở độ tuổi 50 với nữ và 55 với nam) đặc thù nghề như múa ballet và xiếc chỉ khoảng 40 với nữ và 45 với nam. - Lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn ngành văn hóa hiện đang hưởng mức phụ cấp 15% - 20%. Đây là mức phụ cấp thấp hơn nhiều so với giáo viên (lĩnh vực đào tạo) và bác sĩ, dược sĩ (lĩnh vực y tế), chưa tương xứng với đặc thù nghề lĩnh

QUYẾT ĐỊNH SỐ 14/2015/QĐ-TTg	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	THUYẾT MINH
		vực nghệ thuật biểu diễn (cường độ lao động cao, áp lực sáng tạo, nguy cơ rủi ro sức khỏe, thường xuyên làm việc vào ngày lễ, ngày nghỉ; yêu cầu năng khiếu, sự khổ luyện, tính hiểm đặc biệt của tài năng...). Khi so sánh với các mức hưởng phụ cấp lĩnh vực giáo dục và y tế, Tổ soạn thảo thấy những yếu tố tương đồng trong nghề nghiệp. Từ đó, xây dựng các mức quy định tại dự thảo Nghị định này hoàn toàn phù hợp ở mức độ trung bình, không có sự khác biệt nhiều, như: - Vd1: Giáo viên hiện hưởng phụ cấp 30% - 50% (vùng thuận lợi), 50% - 70% (miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo). Với mức này, viên chức, người lao động nghệ thuật sẽ ổn định tư tưởng hơn, tạo động lực gắn bó lâu dài với nghề nghiệp; đây cũng là mức trung bình, khá so với mặt bằng chung viên chức, người lao động. - Vd2: Bác sĩ, dược sĩ (ngành y) hiện hưởng phụ cấp 20% - 70% (theo tuyến, đặc thù công việc); một số chuyên khoa đặc biệt (lao, phong, tâm thần, truyền nhiễm) có thể 100%. Đây là mức phụ cấp rất cao do tính chất nguy hiểm, áp lực, liên quan trực tiếp tính mạng bệnh nhân. Nhưng có sự tương đồng về nghề nghiệp với viên chức, diễn viên như: yêu cầu chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp và kỷ luật, tuân thủ quy định, đạo đức

QUYẾT ĐỊNH SỐ 14/2015/QĐ-TTg	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	THUYẾT MINH
		nghề nghiệp, cùng có vai trò phục vụ cộng đồng, sự đóng góp cho xã hội và sự đòi hỏi về đào tạo, rèn luyện liên tục để nâng cao kỹ năng và kiến thức. - Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, đã quy định danh mục tên ngành nghề hoặc công việc trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn cũng đã được xác định là nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm ở 3 cấp độ cao nhất là IV, V và VI. Trên cơ sở phân tích, so sánh, thuyết minh trên, Tổ soạn thảo xây dựng, đề xuất 03 mức phụ cấp quy định sau đây.
a) Mức phụ cấp 20%, áp dụng đối với đối tượng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 2 Quyết định này;	a) Mức 50%, áp dụng đối với: Đạo diễn sân khấu nghệ thuật truyền thống, chỉ đạo nghệ thuật sân khấu truyền thống, opera, musical; Chỉ huy dàn nhạc giao hưởng, dàn nhạc nhạc vũ kịch; Biên đạo múa, huấn luyện múa ballet; Sáng tác âm nhạc giao hưởng; Biên kịch sân khấu truyền thống; Diễn viên các loại hình nghệ thuật tuồng, chèo, cải lương, xiếc, múa rối nước; opera, ballet, musical; diễn viên biểu diễn nhạc cụ hơi thuộc bộ đồng, bộ gõ trong dàn nhạc giao hưởng. b) Mức 40%, áp dụng đối với: Đạo diễn, chỉ đạo nghệ thuật các loại hình nghệ thuật đương đại; Chỉ huy dàn nhạc truyền thống, chỉ huy hợp xướng và các hình thức dàn nhạc khác; Biên đạo múa, huấn	- Mức 50%, áp dụng cho đối tượng nghề nặng nhọc, áp lực sáng tạo cao; luyện tập khổ luyện nhiều năm; một số loại hình (xiếc, ballet, opera, kèn hơi) nguy hiểm, cường độ thể lực lớn, để lại di chứng nghề nghiệp suốt đời. - Mức 40%, áp dụng cho đối tượng nghề sáng tạo, lao động nghệ thuật phức tạp, nhưng ít nguy hiểm về thể lực hơn nhóm

QUYẾT ĐỊNH SỐ 14/2015/QĐ-TTg	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	THUYẾT MINH
b) Mức phụ cấp 15%, áp dụng đối với đối tượng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 2 Quyết định này.	luyện múa; Sáng tác âm nhạc, biên kịch các loại hình nghệ thuật đương đại; Diễn viên kịch nói, kịch dân ca, kịch hình thể, kịch câm; hát hợp xướng, dân ca, ca khúc mới; múa rối cạn, múa đương đại, múa dân gian dân tộc, múa hát cung đình, múa tạp kỹ; biểu diễn nhạc cụ hơi thuộc loại hình nghệ thuật truyền thống, dân gian dân tộc; biểu diễn nhạc cụ thuộc bộ dây, bộ gõ, nhạc cụ bản phím trong dàn nhạc giao hưởng. c) Mức 30%, áp dụng đối với: diễn viên biểu diễn nhạc cụ điện tử và các phương tiện âm thanh khác; Kỹ thuật viên sân khấu, hậu đài và nhân viên phục vụ.	a; cần kỹ năng và đòi hỏi thời gian khổ luyện thường xuyên và lâu dài. - Mức 30%, áp dụng cho đối tượng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động nghệ thuật biểu diễn nhưng thiên về kỹ thuật biểu diễn, mức độ khổ luyện và nguy hiểm thấp hơn nhóm a, b; đòi hỏi người biểu diễn, kỹ thuật viên biết khai thác ứng dụng tiến bộ khoa học, thúc đẩy phát triển kỹ năng nghề thông qua công nghệ số, đổi mới sáng tạo.
	2. Người lao động hợp đồng chuyên môn có thỏa thuận áp dụng mức lương theo bảng lương viên chức được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề theo chuyên ngành tại khoản 1 Điều này.	Khoản 2 và 3 Điều này được nghiên cứu trong quá trình theo dõi thực tiễn và theo quy định pháp luật hiện hành
	3. Người lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật, nếu làm việc tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì được hưởng chính sách phụ cấp ưu đãi nghề theo công việc chuyên môn thực hiện.	
2. Phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp được tính như sau: Phụ cấp ưu đãi theo nghề = Mức lương cơ sở × (Hệ số lương theo ngạch, bậc hiện hưởng + Hệ số phụ cấp chức vụ (nếu có) + % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)) × Mức % phụ cấp ưu đãi nghề.	4. Phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp được tính theo công thức: Phụ cấp ưu đãi theo nghề = Mức lương cơ sở × (Hệ số lương theo ngạch, bậc hiện hưởng + Hệ số phụ cấp chức vụ (nếu có) + % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)) × Mức % phụ cấp ưu đãi nghề.	Khoản 4 Điều này kế thừa công thức tính tại QĐ số 14/2015/QĐ-TTg

QUYẾT ĐỊNH SỐ 14/2015/QĐ-TTg	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	THUYẾT MINH
3. Nguyên tắc chi trả: a) Phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp được trả cùng tiền lương hằng tháng; b) Phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ bảo hiểm khác.	5. Phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp được trả cùng kỳ lương, không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.	Khoản 5 và 6 Điều này kế thừa nguyên tắc chi trả và thời gian không được tính hưởng phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp tại QĐ số 14/2015/QĐ-TTg Tổ Soạn thảo đề xuất, xin ý kiến về cách ghi ngắn gọn hơn nhưng vẫn đầy đủ quy định như sau: 6. Thời gian không được tính hưởng: viên chức, người lao động đi công tác, học tập dài hạn; nghỉ không lương, nghỉ hưởng bảo hiểm xã hội; bị đình chỉ công tác, tạm giam; nghỉ ốm đau, thai sản vượt thời hạn, hoặc làm công việc khác ngoài hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn từ 01 tháng trở lên.
4. Thời gian không được tính hưởng phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp: a) Đi công tác, làm việc, học tập ở nước ngoài hưởng 40% tiền lương theo quy định tại Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; b) Đi công tác, học tập trong nước không trực tiếp làm các công việc được phân công thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn liên tục trên 03 tháng; c) Nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên; d) Nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội (tính tròn tháng); đ) Bị tạm giữ, tạm giam theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc thời gian bị đình chỉ công tác (tính tròn tháng);	6. Thời gian không được tính hưởng phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp: a) Đi công tác, làm việc, học tập ở nước ngoài hưởng 40% tiền lương theo quy định tại Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; b) Đi công tác, học tập trong nước không trực tiếp làm các công việc được phân công thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn liên tục trên 03 tháng trở lên; c) Nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên; d) Nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội (tính tròn tháng); đ) Thời gian bị tạm giữ, tạm giam theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc bị đình chỉ công tác (tính tròn tháng); e) Nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội;	

QUYẾT ĐỊNH SỐ 14/2015/QĐ-TTg	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	THUYẾT MINH
e) Nghỉ ốm đau, thai sản vượt quá thời hạn theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội; g) Bị đình chỉ công tác; h) Không trực tiếp làm công tác biểu diễn nghệ thuật mà làm công việc khác từ 01 tháng trở lên.	g) Không trực tiếp làm công tác biểu diễn nghệ thuật mà làm công việc khác liên tục từ 01 tháng trở lên.	
Điều 4. Chế độ bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn	Điều 7. Nguyên tắc áp dụng chế độ bồi dưỡng luyện tập, chế độ bồi dưỡng biểu diễn.	
	1. Áp dụng đối với viên chức, người lao động trực tiếp tham gia dàn dựng, luyện tập và biểu diễn nghệ thuật.	Các khoản 1 đến khoản 4 Điều này được xây dựng rõ ràng hơn các quy định hiện hành nhằm thể hiện đúng nguyên tắc trong việc áp dụng chế độ bồi dưỡng luyện tập, chế độ bồi dưỡng biểu diễn
	2. Chi trả theo số buổi thực tế, căn cứ vào kế hoạch, nhiệm vụ do người đứng đầu đơn vị phê duyệt.	
	3. Mức bồi dưỡng luyện tập, biểu diễn được xác định theo tính chất, quy mô, thể loại và yêu cầu nghệ thuật của chương trình, vở diễn; quy định bảo đảm tương xứng với công sức đóng góp và trách nhiệm của từng chức danh, vị trí việc làm.	
	4. Chế độ bồi dưỡng luyện tập, biểu diễn được chi trả bằng tiền; không dùng để tính đóng, hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ bảo hiểm khác.	
1. Chế độ bồi dưỡng luyện tập tính theo số buổi thực tế luyện tập, gồm các mức sau đây: a) Mức 80.000 đồng/buổi tập, áp dụng đối với diễn viên đóng vai chính trong vở diễn sân	5. Bồi dưỡng luyện tập gồm các mức: a) Mức 8% lương cơ sở/buổi đối với: diễn viên chính, vũ công chính, nhạc công độc tấu (solist); chỉ huy dàn nhạc giao hưởng, dàn nhạc nhạc vũ	- Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg năm 2015 quy định chế độ bồi dưỡng luyện tập và chế độ bồi dưỡng biểu diễn bằng Số tuyệt đối để biểu hiện quy mô, khối lượng

QUYẾT ĐỊNH SỐ 14/2015/QĐ-TTg	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	THUYẾT MINH
khẩu, nhạc kịch (opera), vũ kịch (ballet), xiếc, rối; diễn viên hát chính (đơn ca), diễn viên múa chính (solist), nhạc công độc tấu (solist) với dàn nhạc; người chỉ huy dàn nhạc giao hưởng nhạc vũ kịch, dàn nhạc giao hưởng, dàn hợp xướng, dàn nhạc sân khấu truyền thống; b) Mức 60.000 đồng/buổi tập, áp dụng đối với diễn viên đóng vai chính thứ trong vở diễn sân khấu, nhạc kịch, vũ kịch, xiếc, rối; diễn viên hát chính thứ, diễn viên hát lĩnh xướng trong dàn hợp xướng; diễn viên múa chính thứ, nhạc công chịu trách nhiệm lĩnh tấu trong dàn nhạc giao hưởng, dàn nhạc sân khấu truyền thống, diễn viên chịu trách nhiệm lĩnh xướng trong dàn hợp xướng; kỹ thuật viên chính âm thanh, kỹ thuật viên chính ánh sáng; c) Mức 50.000 đồng/buổi tập, áp dụng đối với diễn viên đóng vai phụ trong vở diễn sân khấu, nhạc kịch, vũ kịch, xiếc, múa rối; diễn viên múa; hợp xướng viên; nhạc công dàn nhạc giao hưởng, dàn nhạc sân khấu truyền thống; kỹ thuật viên âm thanh, kỹ thuật viên ánh sáng; d) Mức 35.000 đồng/buổi tập, áp dụng đối với nhân viên hậu đài, nhân viên hóa trang, nhân viên phục trang, nhân viên đạo cụ.	kịch, dàn nhạc truyền thống, hợp xướng và các hình thức dàn nhạc khác; b) Mức 6% lương cơ sở/buổi đối với diễn viên chính thứ, vũ công chính thứ, người lĩnh xướng, nhạc công lĩnh tấu; kỹ thuật viên chính âm thanh, kỹ thuật viên chính ánh sáng, kỹ thuật viên chính sân khấu; c) Mức 5% lương cơ sở/buổi đối với diễn viên phụ, vũ công phụ, hợp xướng viên, nhạc công dàn nhạc, vũ đoàn, diễn viên tập thể; kỹ thuật viên âm thanh, kỹ thuật viên ánh sáng, kỹ thuật viên sân khấu; d) Mức 3% lương cơ sở/buổi đối với hậu đài và nhân viên phục vụ công tác biểu diễn; đ) Nghệ sĩ Nhân dân được hưởng thêm 5% lương cơ sở/buổi; Nghệ sĩ ưu tú được hưởng thêm 2% lương cơ sở/buổi.	của hiện tượng kinh tế-xã hội trong điều kiện cụ thể tại thời điểm năm 2015. - Tổ soạn thảo đã nghiên cứu, thể chế tại dự thảo Nghị định này, quy định mức bồi dưỡng theo tỉ lệ phần trăm (%) mức lương cơ sở. - Bổ sung nhân viên kỹ thuật âm thanh, ánh sáng; cụ thể hóa một số chức danh diễn viên, nhạc công (diễn viên hát, nhạc công dân gian, dân tộc). Đây là thành phần tham gia trực tiếp, góp phần sáng tạo trong hoạt động nghệ thuật biểu diễn, là thành phần không thể thiếu trong các sự kiện, chương trình, tiết mục, vở diễn. - Các mức hưởng bồi dưỡng luyện tập được nghiên cứu, áp dụng đúng đối tượng, vị trí làm việc, vai trò, tầm quan trọng của viên chức, người lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn hiện nay, đúng công sức đóng góp trong quá trình trực tiếp dàn dựng và luyện tập.
2. Chế độ bồi dưỡng biểu diễn tính theo số buổi biểu diễn và phục vụ biểu diễn thực tế, gồm các mức sau đây: a) Mức 200.000 đồng/buổi diễn, áp dụng đối với diễn viên chính, nhạc công chính, người	6. Bồi dưỡng biểu diễn gồm các mức sau: a) Mức 20% lương cơ sở/buổi đối với người chỉ đạo nghệ thuật và những đối tượng quy định tại mục a, khoản 5 Điều 7 Nghị định này;	Các mức hưởng bồi dưỡng biểu diễn cũng được nghiên cứu, áp dụng đúng đối tượng, vai trò, tầm quan trọng trong việc biểu diễn nghệ thuật, xác định đúng công

QUYẾT ĐỊNH SỐ 14/2015/QĐ-TTg	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	THUYẾT MINH
chỉ đạo nghệ thuật chương trình nghệ thuật ca múa nhạc, người chỉ đạo nghệ thuật vở diễn sân khấu; b) Mức 160.000 đồng/buổi diễn, áp dụng đối với diễn viên chính thứ nhạc công chính thứ, kỹ thuật viên chính âm thanh, kỹ thuật viên chính ánh sáng; c) Mức 120.000 đồng/buổi diễn, áp dụng đối với diễn viên phụ nhạc công, kỹ thuật viên âm thanh, kỹ thuật viên ánh sáng; trưởng, phó các đơn vị nghệ thuật và trưởng, phó các đoàn biểu diễn trực thuộc; d) Mức 80.000 đồng/buổi diễn, áp dụng đối với nhân viên hậu đài, nhân viên hóa trang, nhân viên phục trang, nhân viên đạo cụ và nhân viên phục vụ làm việc theo chế độ hợp đồng.	b) Mức 16% lương cơ sở/buổi đối với trưởng, phó các đoàn biểu diễn và những đối tượng quy định tại mục b, khoản 5 Điều 7 Nghị định này; c) Mức 12% lương cơ sở/buổi đối với những đối tượng quy định mục c, khoản 5 Điều 7 Nghị định này; d) Mức 7% lương cơ sở/buổi áp dụng đối với những đối tượng quy định tại mục d, khoản 5 Điều 6 Nghị định này. đ) Nghệ sĩ Nhân dân được hưởng thêm 10% lương cơ sở/buổi; Nghệ sĩ ưu tú được hưởng thêm 5% lương cơ sở/buổi;	sức đóng góp qua mỗi buổi, mỗi chương trình mà họ trực tiếp biểu diễn. - Bổ sung đối tượng là Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú khi tham gia luyện tập và biểu diễn được hưởng chế độ. <i>Việc quy định các mức bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn tại dự thảo Nghị định này theo hướng giữ nguyên giá trị mức bồi dưỡng thời điểm năm 2015 được quy đổi theo tỉ lệ phần trăm (%) dựa trên mức lương cơ sở tại thời điểm năm 2025.</i>
3. Trường hợp người tham gia biểu diễn nghệ thuật thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm thì chỉ hưởng mức bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn cao nhất.	7. Trường hợp người tham gia biểu diễn nghệ thuật thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm thì chỉ hưởng mức bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn cao nhất.	Kế thừa và tiếp thu Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg
	8. Số buổi biểu diễn được tính gồm: 02 buổi sơ duyệt, 01 buổi tổng duyệt và các buổi biểu diễn chính thức theo kế hoạch được phê duyệt.	Quy này là sự cần thiết trong thực tiễn nhằm đảm bảo chất lượng, nội dung chương trình nghệ thuật đến với công chúng. Bên cạnh đó, tăng tính minh bạch trong việc đề xuất, thanh quyết toán kinh phí.
	Điều 7. Nguồn kinh phí chi trả	
1. Kinh phí thực hiện chi trả chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp quy định tại Điều 3 Quyết định này do ngân sách nhà nước bảo đảm	1. Kinh phí thực hiện chi trả chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp:	

QUYẾT ĐỊNH SỐ 14/2015/QĐ-TTg	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	THUYẾT MINH
trong kinh phí chi thường xuyên hằng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.	a) Ngân sách nhà nước theo phân cấp, trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của đơn vị; b) Nguồn thu hợp pháp của đơn vị; c) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.	
2. Kinh phí thực hiện chi trả chế độ bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn: a) Kinh phí thực hiện chi trả chế độ bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn quy định tại Điều 4 Quyết định này được bố trí trong dự toán kinh phí xây dựng, phổ biến tác phẩm, chương trình, vở diễn hằng năm của đơn vị và từ nguồn thu biểu diễn theo quy định của pháp luật; b) Trường hợp thực hiện nhiệm vụ chính trị, phục vụ nhân dân miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo thì chế độ bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn do Nhà nước chi trả.	2. Kinh phí thực hiện chi trả chế độ bồi dưỡng luyện tập, biểu diễn: a) Dự toán kinh phí xây dựng, phổ biến tác phẩm, chương trình, vở diễn hằng năm của đơn vị; b) Nguồn thu từ hoạt động biểu diễn theo quy định của pháp luật; c) Ngân sách nhà nước theo phân cấp trong trường hợp thực hiện nhiệm vụ chính trị, phục vụ nhân dân vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.	
3. Đối với các đơn vị hằng năm có nguồn thu biểu diễn, sau khi thực hiện đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, nếu có khả năng tài chính thì được xem xét vận dụng chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp, bồi dưỡng luyện tập và bồi dưỡng biểu diễn đối với diễn viên hợp đồng và bồi dưỡng thêm cho diễn viên trong biên chế.	3. Các đơn vị có nguồn thu sau khi hoàn thành nghĩa vụ ngân sách, nếu có khả năng tài chính, được xem xét chi trả thêm phụ cấp và bồi dưỡng khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.	
	4. Bảo đảm công khai, minh bạch trong thanh quyết toán kinh phí.	
	Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	

QUYẾT ĐỊNH SỐ 14/2015/QĐ-TTg	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	THUYẾT MINH
	Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp 1. Các chế độ, quyền lợi, hợp đồng, hồ sơ, quyết toán đã giải quyết trước ngày Nghị định có hiệu lực tiếp tục được công nhận; 2. Các nội dung phát sinh nhưng chưa giải quyết trước ngày Nghị định có hiệu lực thực hiện theo Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg cho đến khi Nghị định này có hiệu lực. 3. Mọi chế độ, quyền lợi, hợp đồng, hồ sơ, quyết toán phát sinh từ ngày Nghị định có hiệu lực thực hiện theo quy định tại Nghị định này.	
Điều 6. Hiệu lực thi hành 1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2015. 2. Quyết định số 180/2006/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề và bồi dưỡng đối với lao động biểu diễn nghệ thuật ngành Văn hóa - Thông tin hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.	Điều 10. Hiệu lực thi hành 1. Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày .. tháng .. năm 2025	
	Điều 11. Trách nhiệm tổ chức thực hiện 1. Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm bố trí kinh phí theo phân cấp để thực hiện Nghị định này. 2. Đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn có trách nhiệm triển khai thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp, chế độ bồi dưỡng luyện tập và bồi dưỡng biểu diễn.	

QUYẾT ĐỊNH SỐ 14/2015/QĐ-TTg	DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	THUYẾT MINH
Điều 7. Trách nhiệm thi hành 1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thi hành Quyết định này. 2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.	Điều 12. Trách nhiệm thi hành Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.	